

DANH SÁCH THI HỌC PHẦN: THỐNG KÊ Y HỌC

ĐỐI TƯỢNG: THẠC SĨ 2021

Ngày thi: 13 giờ 30 ngày 04/06/2022

Địa điểm: Giảng đường 5B

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	127211076	211076	Lê Huy Minh	Hoàng	24/4/1994	Cần Thơ	Ngoại khoa			
2	127211077	211077	Phan Minh	Hoàng	15/12/1995	Đồng Nai	Ngoại khoa			
3	127211079	211079	Huỳnh Thanh	Huỳnh	12/7/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa			
4	127211080	211080	Huỳnh Văn	Linh	04/11/1994	Trà Vinh	Ngoại khoa			
5	127211081	211081	Hà Minh	Lực	05/9/1996	Đồng Tháp	Ngoại khoa			
6	127211082	211082	Phạm Quang	Nhật	21/4/1994	Lâm Đồng	Ngoại khoa			
7	127211086	211086	Trần Đông	Thức	14/01/1994	Bến Tre	Ngoại khoa			
8	127211087	211087	Nguyễn Trần	Tín	06/11/1993	Bình Định	Ngoại khoa			
9	127211088	211088	Trần Văn	Toản	20/11/1990	Quảng Nam	Ngoại khoa			
10	127211091	211091	Mai Vũ Gia	Bảo	16/7/1996	Bình Thuận	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
11	127211092	211092	Phan Cảnh	Đạt	10/01/1996	Bình Định	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
12	127211093	211093	Nguyễn Sơn	Hải	24/9/1995	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
13	127211094	211094	Lâm Kiếm	Hồng	12/5/1996	Kiên Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
14	127211095	211095	Trịnh Minh	Hùng	28/7/1991	Hải Phòng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
15	127211096	211096	Nguyễn Văn	Huỳnh	16/02/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
16	127211097	211097	Nguyễn Mạnh	Kha	24/5/1995	TpHCM	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
17	127211098	211098	Lê Minh	Khoa	15/01/1994	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
18	127211100	211100	Võ Văn	Khoa	12/5/1996	TpHCM	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
19	127211102	211102	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/5/1993	Cần Thơ	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
20	127211103	211103	Lê Hoàng Khôi	Nguyễn	07/5/1996	TpHCM	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
21	127211104	211104	Nguyễn Trần Hoàng	Phú	26/6/1996	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
22	127211108	211108	Đoàn Minh	Thái	18/01/1996	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
23	127211110	211110	Trần Đức	Viễn	30/10/1995	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)			
24	127211113	211113	Nguyễn	Duy	09/6/1992	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
25	127211115	211115	Phạm Văn	Sỹ	01/01/1987	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
26	127211116	211116	Phạm Đoàn Ngọc	Tuân	01/3/1996	Hậu Giang	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
27	127211117	211117	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/3/1993	TpHCM	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)			
28	127211123	211123	Lư Quý	Trang	14/01/1994	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)			

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
29	127211125	211125	Lương Minh	Cường	12/12/1995	Kon Tum	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
30	127211126	211126	Đàng Quốc	Duận	03/11/1992	Ninh Thuận	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
31	127211129	211129	Triệu Thị Thanh	Hằng	03/10/1994	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
32	127211130	211130	Trương Văn Quang	Hiền	13/9/1994	TpHCM	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
33	127211132	211132	Nguyễn Hoàng	Huy	14/12/1992	Bến Tre	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
34	127211133	211133	Lê Tường	Kha	20/01/1993	TpHCM	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
35	127211135	211135	Hồ Hoàng	Vũ	01/6/1996	Hà Tĩnh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)			
36	127211137	211137	Trần Duy	Đạt	06/8/1993	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
37	127211138	211138	Nông Văn	Huy	14/12/1990	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
38	127211140	211140	Hoàng Ngọc	Long	12/5/1996	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
39	127211141	211141	Phạm Trường	Minh	27/01/1995	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
40	127211142	211142	Nguyễn Hoàng Nam	Nhật	11/7/1995	Long An	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
41	127211145	211145	Hạ Kỳ	Văn	28/02/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)			
42	127211148	211148	Đào Thị Thu	Hiền	04/10/1996	Hải Phòng	Nhãn khoa			
43	127211149	211149	Lê Thái Minh	Hiếu	21/4/1996	Bình Định	Nhãn khoa			
44	127211150	211150	Nguyễn Huỳnh	Phúc	26/3/1996	TpHCM	Nhãn khoa			
45	127211151	211151	Ngô Mạc Như	Quỳnh	05/8/1996	Đắk Lắk	Nhãn khoa			
46	127211152	211152	Hồ Công Thùy	Thanh	07/01/1995	TpHCM	Nhãn khoa			
47	127211153	211153	Nguyễn Văn	Thành	07/7/1972	Bình Định	Nhãn khoa			
48	127211154	211154	Phan Nữ Hoài	Thương	26/4/1996	Gia Lai	Nhãn khoa			
49	127211155	211155	Trần Thanh	Tú	21/11/1992	TpHCM	Nhãn khoa			
50	127211159	211159	Phạm Thái Hải	Nhi	03/9/1996	Lâm Đồng	Nhi khoa			
51	127211160	211160	Ngô Chí	Quang	11/12/1995	Kiên Giang	Nhi khoa			
52	127211161	211161	Bùi Ngọc Minh	Thanh	01/10/1994	TpHCM	Nhi khoa			
53	127211166	211166	Đỗ Hải	An	31/8/1995	An Giang	Nội khoa			
54	127211167	211167	Nguyễn Trần Vĩnh	An	06/4/1996	Cà Mau	Nội khoa			
55	127211168	211168	Trần Gia	Bảo	15/10/1993	Bình Dương	Nội khoa			
56	127211169	211169	Trần Vi	Điện	21/6/1994	Quảng Ngãi	Nội khoa			
57	127211170	211170	Trần Huỳnh Mỹ	Duyên	09/6/1995	Ninh Thuận	Nội khoa			
58	127211171	211171	Lê Đình Triều	Giang	18/6/1994	Ninh Thuận	Nội khoa			
59	127211174	211174	Nguyễn Thị Lan	Hương	16/10/1996	Hà Nội	Nội khoa			
60	127211177	211177	Phạm Thị Diễm	Kiều	07/3/1991	Long An	Nội khoa			
61	127211178	211178	Hà Văn	Minh	25/7/1993	Thanh Hóa	Nội khoa			

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
62	127211179	211179	Phạm Tố	Như	29/6/1996	Đồng Nai	Nội khoa			
63	127211180	211180	Trần Âu Quế	Nhung	17/6/1990	Long An	Nội khoa			
64	127211181	211181	Hà Thúc	Nhượng	04/4/1983	Bình Định	Nội khoa			
65	127211182	211182	Nguyễn Hoàng Thiên	Phát	05/11/1993	Tiền Giang	Nội khoa			
66	127211183	211183	Trương Gia	Phúc	23/5/1995	Phú Yên	Nội khoa			
67	127211184	211184	Trần Quyên	Phương	30/7/1996	An Giang	Nội khoa			
68	127211186	211186	Nguyễn Thanh	Tân	08/11/1996	Tiền Giang	Nội khoa			
69	127211188	211188	Phan Thị Thanh	Thanh	13/8/1996	TpHCM	Nội khoa			
70	127211189	211189	Nguyễn Trung Công	Thành	15/6/1992	TpHCM	Nội khoa			
71	127211191	211191	Võ Đăng	Toàn	12/01/1995	Bình Định	Nội khoa			
72	127211192	211192	Phan Hữu	Trí	31/10/1994	TpHCM	Nội khoa			
73	127211193	211193	Đoàn Quang	Trường	26/3/1994	Thừa Thiên Huế	Nội khoa			
74	127211194	211194	Phan Duy	Tùng	23/3/1993	Đồng Nai	Nội khoa			
75	127211196	211196	Đào Thị Hoàng	Yến	06/10/1995	Lâm Đồng	Nội khoa			
76	127211199	211199	Lữ Thị Thanh	Hiền	10/02/1994	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)			
77	127211201	211201	Phan Thị Lan	Hương	27/8/1993	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)			
78	127211202	211202	Huỳnh Như	Huỳnh	20/6/1994	Bến Tre	Nội khoa (Da liễu)			
79	127211203	211203	Danh Bảo	Khánh	20/10/1995	Sóc Trăng	Nội khoa (Da liễu)			
80	127211204	211204	Nguyễn Tấn	Khoa	31/10/1996	Sóc Trăng	Nội khoa (Da liễu)			
81	127211205	211205	Lê Nguyệt	Linh	02/10/1996	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)			
82	127211206	211206	Trịnh Thị Tuyết	Minh	11/5/1994	Bến Tre	Nội khoa (Da liễu)			
83	127211207	211207	Huỳnh Thị Như	Mỹ	19/6/1994	Bình Định	Nội khoa (Da liễu)			
84	127211208	211208	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	15/4/1994	Khánh Hòa	Nội khoa (Da liễu)			
85	127211209	211209	Phan Thị Kim	Ngọc	01/9/1996	Bình Thuận	Nội khoa (Da liễu)			
86	127211210	211210	Nguyễn Duy	Thanh	17/7/1996	Cà Mau	Nội khoa (Da liễu)			
87	127211211	211211	Nguyễn Trần Anh	Thư	25/01/1995	Quảng Nam	Nội khoa (Da liễu)			
88	127211212	211212	Chung Lê Đoan	Trang	15/4/1996	TpHCM	Nội khoa (Da liễu)			
89	127211213	211213	Ngô Thị Phương	Uyên	14/7/1996	Quảng Bình	Nội khoa (Da liễu)			
90	127211214	211214	Lương Thế	Vinh	06/7/1994	TpHCM	Nội khoa (Da liễu)			
91	127211215	211215	Võ Tường Thảo	Vy	06/10/1994	Thừa Thiên Huế	Nội khoa (Da liễu)			
92	127211216	211216	Phùng Xuân Kim	Yến	01/02/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)			
93	127211217	211217	Châu Hồng	Anh	01/4/1996	TpHCM	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
94	127211218	211218	Phạm Đỗ Phương	Anh	25/11/1995	TpHCM	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
95	127211221	211221	Phạm Nguyên	Huân	12/11/1995	TpHCM	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
96	127211224	211224	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	19/8/1992	TpHCM	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)			
97	127211228	211228	Nguyễn Thị	Đào	22/12/1995	Hà Tĩnh	Nội khoa (Lão khoa)			
98	127211229	211229	Trương Ngọc	Dung	14/8/1995	An Giang	Nội khoa (Lão khoa)			
99	127211230	211230	Phạm Trường	Giang	19/7/1991	Bến Tre	Nội khoa (Lão khoa)			
100	127211232	211232	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	18/5/1994	Long An	Nội khoa (Lão khoa)			
101	127211234	211234	Lê Thị Hồng	Hoa	07/12/1995	Bình Dương	Nội khoa (Lão khoa)			
102	127211235	211235	Lê Quốc	Hung	19/10/1991	Bình Thuận	Nội khoa (Lão khoa)			
103	127211236	211236	Nguyễn Quốc	Huy	25/3/1996	Quảng Ngãi	Nội khoa (Lão khoa)			
104	127211239	211239	Nguyễn Thị	Liên	12/12/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)			
105	127211240	211240	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	26/12/1995	Gia Lai	Nội khoa (Lão khoa)			
106	127211241	211241	Đinh Thị	Na	02/6/1994	Quảng Trị	Nội khoa (Lão khoa)			
107	127211243	211243	Trần Thị Mỹ	Nhật	23/8/1994	Tây Ninh	Nội khoa (Lão khoa)			
108	127211245	211245	Lê Trịnh Thủy	Tiên	25/8/1988	TpHCM	Nội khoa (Lão khoa)			
109	127211246	211246	Nguyễn Huỳnh Quang	Tín	16/3/1993	Long An	Nội khoa (Lão khoa)			
110	127211247	211247	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	30/7/1995	Đồng Tháp	Nội khoa (Lão khoa)			
111	127211248	211248	Trương Thị Thu	Trang	07/9/1993	Hậu Giang	Nội khoa (Lão khoa)			
112	127211249	211249	Trình Thục	Trình	25/6/1996	Ninh Thuận	Nội khoa (Lão khoa)			
113	127211252	211252	Đỗ Nguyễn Thảo	Uyên	26/6/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Lão khoa)			
114	127211253	211253	Nguyễn Hữu	Vinh	15/10/1993	Tiền Giang	Nội khoa (Lão khoa)			
115	127211255	211255	Nguyễn Mạnh	Nguyên	08/02/1990	Đắk Lắk	Nội khoa (Nội tiết)			
116	127211259	211259	Nguyễn Thị Huệ	Thiên	14/01/1995	Bình Thuận	Nội khoa (Nội tiết)			
117	127211264	211264	Hoàng Thị Diệu	Nguyên	10/5/1993	TpHCM	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
118	127211265	211265	Hoàng Trí	Phương	22/4/1995	TpHCM	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
119	127211267	211267	Đặng Thị Hiền	Thảo	25/6/1996	Gia Lai	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
120	127211268	211268	Đoàn Thị Thùy	Trang	25/4/1994	Lâm Đồng	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
121	127211269	211269	Phan Minh	Tuấn	24/11/1995	TpHCM	Nội khoa (Phục hồi chức năng)			
122	127211270	211270	Phạm Ánh	Minh	11/7/1995	Tiền Giang	Nội khoa (Tâm thần)			
123	127211274	211274	Lương Phan Bảo	Duy	08/02/1993	Vĩnh Long	Nội khoa (Thần kinh)			
124	127211275	211275	Nguyễn Thị Thúy	Duy	02/9/1993	Trà Vinh	Nội khoa (Thần kinh)			
125	127211277	211277	Huỳnh Đăng	Lộc	05/02/1992	Quảng Nam	Nội khoa (Thần kinh)			
126	127211278	211278	Nguyễn Đình	Nguyên	20/5/1994	Đà Nẵng	Nội khoa (Thần kinh)			
127	127211280	211280	Nguyễn Văn Đăng	Son	01/8/1992	Quảng Nam	Nội khoa (Thần kinh)			

STT	Mã SV	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên	Ghi chú
128	127211281	211281	Lê Nhựt	Tân	13/7/1996	Cần Thơ	Nội khoa (Thần kinh)			
129	127211284	211284	Phạm Phước	Tuấn	19/10/1995	Đà Nẵng	Nội khoa (Thần kinh)			

Danh sách có 129 (một trăm hai mươi chín) học viên

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2022

Cán bộ gác thi 1

Giáo vụ

Cán bộ gác thi 2

Ths Huỳnh Ngọc Vân Anh

Cán bộ gác thi 3

P. Chủ nhiệm Bộ môn

PGS. Ts. Thái Thanh Trúc